TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHƯỚC** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/DS-ST
Ngày: 28/5/2020
"V/v Đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Duy Minh
Các hội thẩm nhân dân:
Bà Trần Thị Minh Thâm và ông Cao Văn Dũng.
Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh - Thư ký Tòa án.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định: Ông Nguyễn Văn Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2019/TLST-DS, ngày 05 tháng 8 năm 2019, về việc *"Đòi lại tài sản",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 343/2020/QĐXX-ST ngày 12 tháng 3 năm 2020, Thông báo chuyển thời gian xét xử số 474/2020/TB-TA, ngày 03 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 639/2020/QĐST-DS, ngày 08 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân P.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Kim B - Chủ tịch Hội đồng quản trị (Có mặt).
Địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh D (Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Bà Lương Thị M (Vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 7 năm 2019, tại bản tự khai ngày 23/8/2019, ngày 11/02/2020 và trong quá trình xét xử, đại diện theo pháp luật của nguyên đơn ông Nguyễn Kim B trình bày:

Theo hợp đồng tín dụng số 142/HĐTD-CN2006, ngày 13/3/2006, ông Nguyễn Thanh D và người thừa kế là vợ ông D, bà Lương Thị M đến Quỹ tín dụng nhân dân P vay 10.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 1,25%/tháng, chuyển sang quá hạn lãi suất 1,875%/tháng, mục đích vay là chăn nuôi, vay theo hình thức tín chấp. Hình thức bảo đảm tiền vay, cho vay có bảo đảm bằng tài sản, tài sản bảo đảm nợ vay gồm, Đơn

xin xác nhận đất ruộng. Đến nay khoản vay của hợp đồng tín dụng trên đã quá hạn, Quỹ tín dụng nhân dân P đã nhiều lần liên lạc, gửi thông báo trong việc trả nợ quá hạn nhưng ông D, bà M vẫn không chịu trả nợ gốc và lãi theo như cam kết.

Nay Quỹ tín dụng nhân dân P yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh D, bà Lương Thị M có trách nhiệm phải trả toàn bộ số tiền còn nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân P. Cụ thể, nợ gốc 10.000.000đ, nợ lãi trong hạn từ ngày 13/3/2006 đến ngày 12/3/2007 là 1.520.800đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 11.520.800đ. Trước đây Quỹ tín dụng nhân dân P có yêu cầu tính lãi suất quá hạn 6.406.300đ, nhưng trước khi mở phiên tòa ông có bản khai bổ sung chỉ yêu cầu ông D, bà M trả nợ gốc và nợ lãi trong hạn, không yêu cầu trả nợ lãi quá hạn.

* Bị đơn ông Nguyễn Thanh D và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông D, bà M vẫn vắng mặt.

* Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý đơn khởi kiện đến tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử, nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh D và và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị M không chấp hành các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 471, 472, 473, 474, 476, 478 Bộ luật dân sự năm 2005. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo Hợp đồng tín dụng số 142/HĐTD-CN2006, ngày 13/3/2006 thì thời hạn vay là 12 tháng; Từ đó đến nay Qũy tín dụng không cung cấp chứng cứ đòi nợ liên tục, phía bị đơn cũng không có chứng cứ xác nhận lại khoản nợ trên. Từ năm 2007 đến năm 2019 Qũy tín dụng mới khởi kiện tại Tòa nên thời hiệu khởi kiện về vay tài sản đã hết thời hiệu theo qui định tại Điều 184 BLTTDS năm 2015 nên Tòa chấp nhận Qũy tín dụng khởi kiện về việc đòi lại tài sản là tiền gốc ông D, bà M vay 10.000.000 đồng và lãi trong hạn là có căn cứ theo qui định tại Điều 23 Nghị quyết 03/2012 ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, cho nên Tòa xác định quan hệ tranh chấp đòi lại tài sản là có căn cứ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án này có bị đơn là ông Nguyễn Thanh D, cư trú tại thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vì vậy, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định theo qui định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh D và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị M đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng từ chối đến Tòa nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt D, bà M theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân P yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Thanh D, bà Lương Thị M trả nợ vay gồm 10.000.000đ tiền gốc và 1.520.800đ tiền lãi. Hội đồng xét xử thấy rằng, vào ngày 13/3/2006 giữa vợ chồng ông Nguyễn Thanh D, bà Lương Thị M và Quỹ tín dụng nhân dân P có thỏa thuận lập hợp đồng vay tiền là hợp đồng tín dụng số 142/HĐTD-CN2006, số tiền vay 10.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 1,25%/tháng, chuyển sang quá hạn lãi suất 1,875%/tháng. Từ khi vay đến nay ông D không có trả nợ gốc và lãi cho Quỹ tín dụng nhân dân P, là có căn cứ.

Mặc dù ông D là người đứng tên vay tiền, nhưng mục đích sử dụng tiền vay của ông D là về để đầu tư chăn nuôi nhằm phát triển kinh tế gia đình, do đó theo qui định tại Điều 27 và 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, thì số nợ này là nợ chung của vợ chồng ông D, bà M.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì đại diện theo pháp luật của nguyên đơn yêu cầu ông D, bà M phải trả nợ gốc 10.000.000đ, nợ lãi trong hạn 1.520.800đ, nợ lãi quá hạn 6.406.300đ. Nhưng trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa hôm nay đại diện theo pháp luật của nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu là chỉ yêu cầu ông D, bà M trả nợ gốc 10.000.000đ và nợ lãi trong hạn 1.520.800đ, không yêu cầu trả nợ lãi quá hạn là phù hợp qui định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Mặc khác, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án này, vợ chồng ông D, bà M đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng từ chối đến Tòa và cũng không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án, hoặc văn bản trình bày ý kiến nào phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đều này chứng minh vợ chồng ông D, bà M mặc nhiên thừa nhận số nợ 11.520.800đ như Quỹ tín dụng nhân dân P yêu cầu là sự thật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Thanh D, bà Lương Thị M phải có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân P 11.520.800đ, trong đó nợ gốc 10.000.000đ và nợ lãi trong hạn 1.520.800đ là phù hợp với qui định tại Điều 474 Bộ luật dân sự 2005

Tài sản bảo đảm nợ vay là Đơn xin xác nhận nhà ở, không phải là tài sản thế chấp để đảm bảo nợ vay, nên Tòa không xét.

Ông Nguyễn Thanh D, bà Lương Thị M không đến Tòa và không có yêu cầu gì nên Tòa không xét.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Thanh D, bà Lương Thị M phải chịu 5% của số nợ phải trả là: 11.520.800đ x 5% = 576.000đ, sung công quỹ nhà nước.

Hoàn lại cho Quỹ tín dụng nhân dân P 450.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003132, ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005; Điều 23 Nghị quyết số 03/2012 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân Tối cao; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh D, bà Lương Thị M phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân P số tiền 11.520.800đ *(M một triệu năm trăm hai mươi ngàn tám trăm đồng)*, trong đó, nợ gốc: 10.000.000đ *(M triệu đồng)*, nợ lãi trong hạn 1.520.800đ *(Một triệu năm trăm hai mươi ngàn tám trăm đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh D, bà Lương Thị M phải chịu 576.000đ *(Năm trăm bảy mươi sáu ngàn đồng)*.

Hoàn lại cho Quỹ tín dụng nhân dân P 450.000đ *(Ba trăm năm mươi ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003132, ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông D, bà M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- Lưu hồ sơ vụ n.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Võ Duy Minh